

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**
Bản án số: 39/2018/HSST
Ngày 12/7/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

Bà Trịnh Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2018/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST ngày 28 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Đức N, sinh năm: 1988 tại Bà Rịa -Vũng Tàu;

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp 1, xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đức H, sinh năm: 1960 (Đã chết) và bà Lê Thị Kim S, sinh năm: 1966; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: không; tiền án: không;

N thân: Ngày 28/8/2013 bị UBND huyện XM áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đến ngày 22/8/2015 đã chấp hành xong.

Bị bắt, tạm giam ngày: 06/12/2017.

“Bị cáo có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Trần Ngọc Q, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Ấp BA, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. “Có mặt”

(Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở tư vấn và điều trị nghiện ma túy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

- Người làm chứng:

Ông Nguyễn Đức C, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Tổ 3, ấp 1, xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 06/12/2017 Nguyễn Văn K, không rõ lai lịch, gọi điện vào số 090141179 cho bị cáo Đặng Đức N, K hỏi bị cáo để mua 300.000đ ma túy, bị cáo đồng ý và nói K mua dùm 01 card điện thoại trị giá 100.000đ. Sau khi mua được card điện thoại, K đến nhà bị cáo đưa cho bị cáo 200.000đ và card điện thoại, bị cáo giao cho K 01 gói ma túy và đang nạp tiền từ card vào điện thoại thì bị Bộ đội Biên phòng PT bắt quả tang, thu giữ của bị cáo 200.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model 1280 có gắn sim 0901641779; Thu giữ của K 01 gói nilon bên trong có chất kết tinh không màu trong suốt do K vừa mua của bị cáo.

Qua khám xét nơi ở của bị cáo, còn thu giữ thêm 02 gói nilon bên trong có chất kết tinh không màu trong suốt do bị cáo ném ra ngoài cửa sổ phòng ngủ để phi tang, thu giữ trong phòng ngủ của bị cáo 01 gói nilon bên trong có chất kết tinh không màu trong suốt, thu giữ trên bàn đá bên hiên nhà của bị cáo 01 gói nilon bên trong có chất kết tinh không màu trong suốt và thu giữ nhiều vật dụng dùng để chia nhỏ và sử dụng ma túy gồm: 01 cân tiểu ly màu đen hiệu Amput, 10 ống thủy tinh dài 18cm, 10 túi nilon đã hàn kín hai đầu có kích thước 03cm x10 cm, 01 nỏ thủy tinh được gắn vào 01 bình nhựa có chiều cao 20cm, 01 kéo inox dài 13cm. Toàn bộ vật chứng nghi là ma túy đã được niêm phong theo quy định để trưng cầu giám định trọng lượng và loại ma túy.

Căn cứ kết luận giám định số 272/GĐMT-PC 54 (Đ4) ngày 08/12/2017 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định:

- Gói ma túy bị cáo bán cho K, bị thu giữ có trọng lượng 0,1763 gam, là chất ma túy loại Methamphetamine;
- 02 gói ma túy do bị cáo ném ra ngoài cửa sổ, bị thu giữ có trọng lượng 4,8500gam, là chất ma túy loại Methamphetamine.
- Gói ma túy thu giữ tại bàn đá bên hiên nhà có trọng lượng 9,7801gam, là chất ma túy loại Methamphetamine.
- Gói nilon bên trong có chất kết tinh không màu trong suốt thu giữ trong phòng ngủ của bị cáo không phải là chất ma túy, loại chất này thường được các đối tượng bán ma túy độn thêm vào để tăng trọng lượng, nhằm mục đích bán kiếm lời.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai nhận tại cơ quan điều tra và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Riêng gói ma túy thu giữ tại bàn ghế đá bị cáo không thừa nhận là của mình mà cho rằng là của Q vì trước đó Q tới nhà bị cáo và bị cáo nhìn thấy Q có cầm 01 gói ma túy giống với gói ma túy bị thu giữ, Cơ quan CSĐT đã tiến hành điều tra đối với Q nhưng Q không thừa nhận và không biết gói ma túy trên là của ai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan đến vụ án là Trần Ngọc Q trình bày: Q và bị cáo là bạn bè, ngày 06/12/2017 Q có đến nhà bị cáo mục đích để gặp chị L (chị L là bạn gái của bị cáo), việc bị cáo cho rằng có đưa Q

2.000.000đ để mua ma túy là không có và Q cũng không đưa cho bị cáo gói ma túy nào. Đối với gói ma túy đá Cơ quan điều tra thu giữ trên bàn ghế đá tại nhà của bị cáo thì Q cho rằng gói ma túy này không phải của Q mà là của bị cáo.

Bản cáo trạng số 33/CT – VKS.XM ngày 22/5/2018, Viện kiểm sát N dân huyện XM truy tố bị cáo Đặng Đức N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đặng Đức N từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù;

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị giải quyết phân xử lý vật chứng trong vụ án.

- Bị cáo thống nhất với bản luận tội của Viện kiểm sát, không tự bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận gì với Kiểm sát viên; nói lời sau cùng thể hiện bản thân bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức rõ lỗi lầm; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định truy tố:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện XM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy nhiều năm. Để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, bị cáo đã có hành vi mua ma túy từ nơi khác về chia nhỏ bán lại cho các con nghiện. Cụ thể, vào khoảng 12 giờ ngày 06/12/2017 tại nhà riêng của bị cáo, bị cáo đã có hành vi bán cho K 01 gói ma túy đá với giá 300.000đ, thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang cùng tang vật.

Quá trình điều tra, trong bản tự khai ngày 06/12/2017 bị cáo khai có bán cho K 02 lần nữa. Tuy nhiên tại các bản khai, biên bản hỏi cung kế tiếp cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai ngoài lần bị bắt quả tang bán cho K gói ma túy với giá 300.000đ ngày 06/12/2017 thì bị cáo không bán ma túy cho K thêm lần nào nữa.

Xét 02 lần bị cáo khai bán ma túy cho K vào các ngày 03/12/2017 và

05/12/2017 chưa đủ cơ sở để chứng minh nên chưa có căn cứ để xử lý trong vụ án, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Căn cứ kết luận giám định số 272/GĐMT-PC54 (Đ4) ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định:

- 01 gói nilon màu trắng được hàn kín bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt thu giữ trên người của K được niêm phong trong bì thư màu trắng số thứ tự 01 (272/1) có trọng lượng 0,1763gam, là chất ma túy, loại Methamphetamine.

- 02 gói nilon màu trắng được hàn kín bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt thu dưới đất bên hông cửa sổ phòng ngủ của Đặng Đức N được niêm phong trong bì thư màu trắng số thứ tự 02 (272/2) có trọng lượng 4,8500gam, là chất ma túy, loại Methamphetamine.

- 01 gói nilon màu trắng được hàn kín bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt thu dưới kệ ti vi trong phòng ngủ của Đặng Đức N được niêm phong trong bì thư màu trắng số thứ tự 02 (272/2) gửi đến giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp, trọng lượng 4,2611gam. Loại chất này thường được các đối tượng bán ma túy độn thêm vào để làm tăng trọng lượng, nhằm mục đích bán kiếm lời.

Như vậy hành vi của bị cáo nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1, Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Từ đó cho thấy bản cáo trạng số 33/CT-VKS.XM ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố bị cáo Đặng Đức N về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội làm cho nạn nghiện ngập ngày càng gia tăng, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi và muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện tính coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo N bán ma túy cho con nghiện nhằm mục đích có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu bản thân đồng thời về nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 02 phong bì được niêm phong có số ký hiệu là 272/1 (số thứ tự 01) và 272/2 (số thứ tự 02) bên trong có chứa ma túy còn lại sau kết luận giám định; 01

cân tiểu ly màu đen hiệu Amput; 10 ống thủy tinh dài 18 cm; 10 túi nilon hàn kín hai đầu kích thước 03cm x10cm; 01 nỏ thủy tinh được gắn vào 01 bình nhựa cao 20cm; 01 kéo inox dài 13cm; sim số 0901641779. Đây là hàng cấm, các vật dụng dùng vào việc mua bán, sử dụng ma túy không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen, model 1280, số IMEL: 356231/04/603594/6 là tài sản riêng của bị cáo, sử dụng vào mục đích phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Số tiền 200.000đ bị cáo N bán ma túy cho K ngày 06/12/2017 là khoản thu lợi bất chính nên tịch thu để sung công quỹ nhà nước.

- Phong bì được niêm phong có số ký hiệu 271/3(số thứ tự 03) trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai số ma túy này của Trần Ngọc Q. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Q không thừa nhận số ma túy trên là của mình do đó chưa có căn cứ để xử lý trong vụ án. Nên tạm giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện XM tạm giữ, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi bị cáo bán ma túy cho Nguyễn Văn K vào ngày 06/12/2017, hiện nay K không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra chưa làm việc được với K nên đã tách riêng để tiếp tục điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Trần Ngọc Q, bị cáo khai nhận nguồn gốc ma túy thu giữ của bị can là do Trần Ngọc Q mua giúp và số ma túy tại bàn đá là của Q, nhưng Q không thừa nhận, Cơ quan CSĐT đã tiến hành điều tra nhưng chưa có căn cứ xử lý đối với Q nên cần tách ra để tiếp tục điều tra và khi nào có cơ sở sẽ xử lý sau.

- [9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Đức N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1, Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 38, điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Đặng Đức N: 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/12/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy những tài sản, đồ vật sau:

+ 02 phong bì được niêm phong có số ký hiệu là 272/1 (số thứ tự 01) và 272/2 (số thứ tự 02) bên trong có chứa ma túy còn lại sau kết luận giám định; 01 cân tiểu ly màu đen hiệu Amput; 10 ống thủy tinh dài 18 cm; 10 túi nilon hàn kín

hai đầu kích thước 03cm x10cm; 01 nỏ thủy tinh được gắn vào 01 bình nhựa cao 20cm; 01 kéo inox dài 13cm; sim số 0901641779.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 điện thoại di động Nokia màu đen, model 1280, số IMEL: 356231/04/603594/6.

+ Số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Giao trả lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện XM tiếp tục tạm giữ 01 phong bì được niêm phong có số ký hiệu là 272/3 (số thứ tự 03) bên trong có chứa ma túy còn lại sau kết luận giám định, thu giữ tại bàn ghế đá.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2018 của Công an huyện XM và Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM).

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Đặng Đức N phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện XM;
- Công an huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo